

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+CTK3+BK14	7:25	2+20+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	chuyen 1 bk8-bk14
2		P5+PPD+GTCT1	7:25	2+15+5	0+0+0		1+15+5	0+0+0	
3		AMD+BK6+MRM	7:25	6+2+12	0+0+0		6+1+15	0+0+0	
4		BK9+TD5-PVD1	7:25	1+1+20	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
5		PVD1+BK10+P9	9:25	15+2+5	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
6		CTK3+BK20+VSP02	9:25	20+2+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	chuyen 2 ctk3-bk20
7		CLI+RP1-RP3	9:25	18+0+4	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 1 TD5-PVD1
8		BK16+VSP01+PPD	9:25	11+0+11	0+0+0		4+2+13	0+0+0	
9		AMD+TGTH4+HST	11:25	17+2+1	0+0+0		16+2+3	0+0+0	
10		BK4+P1+C10	11:25	11+1+9	0+0+0		8+1+8	0+0+0	
11		CLI+P10+TD1	11:25	14+4+4	0+0+0		9+9+2	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	TO: BK8 - CTK3 - BK14	CREW: LHai - VTHU - THỤ - ĐANG	ETA: 09:25
TRANG-1			

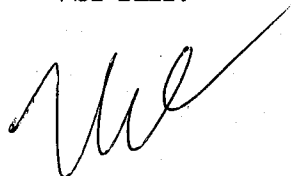
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÂM NHỰT MINH	BK8	28	1	15	69	65	CODIEN	Vietnamese
2	DUƠNG HỮU THUẬN	BK8	27	1	6	35	65	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ THANH HÀ	CTK3	80	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHÙNG VĂN KHANH	CTK3	82	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG THIỆU THANH	CTK3	72	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3	90	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	85	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	77	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
9	DOÀN QUANG TUẤN	CTK3	80-81	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	84	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	79	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH HAI	CTK3	81	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	86,78	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	79	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	87-88	2	13		81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	73-74	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3	83	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	75	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	70	1	15	13	60	KH-THAC	Vietnamese
21	VÕ MẠU MÈN	CTK3	89	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	78	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

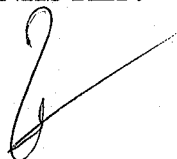
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	2	2	21	130	104	0	0	CHUYEN 01 PAX TU BK8 SANG BK14
2	CTK3	20	24	160	1.395	13	21	0	
3	BK14	0	0	0	0	25	0	0	
TOTAL		22	26	181	1.525	142	21	0	
WEIGHT KG				181	1.525	142			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

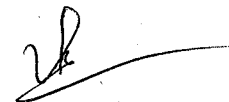
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	TO: P5 - PPD - GTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

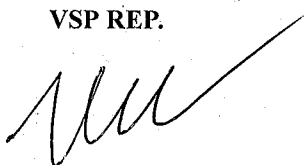
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE HUY	P5	38	1	15		85	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU ĐUC	P5				45	84	T-TIN	Vietnamese
3	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	46	1	14		97	ANTOAN	Russian
4	PHAN VAN THANG	PPD	35	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHONG	PPD	33-34	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN QUY	PPD	40	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC DU	PPD	37	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH BINH	PPD	39	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ HỒ HAI	PPD	36	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TUONG ANH CAC	PPD	47	1	16		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN TAN	PPD	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HAI	PPD	45	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH TIỀN	PPD	49	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	PPD	48	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ HIEN THANH	PPD	44	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG TUAN HUNG	PPD	38	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU VIET DUNG	PPD	41-42	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NAM THAI	GTC1	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HOANG LONG	GTC1	29	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TAN	GTC1	27	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HONG MINH	GTC1	31-32	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRAN KHANH	GTC1	28	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	1	15	169	45	1		
2	PPD	15	17	121	1.084	0	15		
3	GTC1	5	6	46	367	0	6		
TOTAL		22	24	182	1.620	45	22		
WEIGHT KG				182	1.620	45			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: AMD - BK6 - MRM	CREW: LTuấn - VThắng - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	35-36	2	20		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN THIN	AMD	31-33	3	20		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HUNG	AMD	37	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HONG THAI	AMD	34	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO CONG BINH	AMD	58-59	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET PHONG LUU	BK6	68-69	2	15	20	85	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HA	BK6	67	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
8	POPLEVIN IGOR	MRM	17-18	2	16	45	100	AMNGR	Russian
9	ZAKIROV ILNAZ	MRM	20	1	5		85	AMNGR	Russian
10	SACHOK VALERII	MRM	04	1	15		79	AMNGR	Russian
11	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	19	1	12		85	AMNGR	Russian
12	SHLYK VLADIMIR	MRM	21	1	10		95	AMNGR	Russian
13	KARAVKA ANTON	MRM	05	1	13		84	AMNGR	Russian
14	NGUYEN NHU CHIEN	MRM	25	1	7		61	AMNGR	Vietnamese
15	DINH VAN CHAO	MRM	22	1	10		76	AMNGR	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUC	MRM	121	1	9		75	AMNGR	Vietnamese
17	DOAN VAN TUAN	MRM	23	1	8		70	AMNGR	Vietnamese
18	PHAM QUYET THANG	MRM	06-07	2	10		55	AMNGR	Vietnamese
19	TRAN DUC NGU	MRM	24	1	11		76	AMNGR	Vietnamese
20	LE QUANG TAO	MRM	29-30	2	17		62	HALLIBURTON	Vietnamese
21	TRAN HUA TUAN	MRM	31-32	2	20		65	HALLIBURTON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	5	9	65	370	0	6		
2	BK6	2	3	32	157	20	1		
3	MRM	14	18	163	1.068	45	15		
TOTAL		21	30	260	1.595	65	22		
WEIGHT KG				260	1.595	65			

GRAND TOTAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2022	TO: BK9 - TD5 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 09:20
VANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HUU TRUNG	BK9	10	1	12	40	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD1	98	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ THẾ CÔNG	PVD1	90-91	2	18		66	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN CHI LINH	PVD1	06	1	8		80	DVL	Vietnamese
5	PHAN THANH TÍNH	PVD1	07	1	16		74	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂN	PVD1	86-87	2	14	20	60	BAKER HU	Vietnamese
7	BENJAMIN ANDREW SMIT	PVD1	85	1	12		110	PV DRILLIN	Australian
8	VŨ HUNG MẠNH	PVD1	03	1	7		65	PV DRILLIN	Vietnamese
9	CHAU NGOC SON	PVD1	02	1	13		79	PV DRILLIN	Vietnamese
10	ERWAN TURLIN	PVD1	88-89	2	18		82	PV DRILLIN	French
11	TRẦN THẾ HIẾN	PVD1	26	1	9		68	PV DRILLIN	Vietnamese
12	PHẠM ANH TUẤN	PVD1	01,600	2	12		87	PV DRILLIN	Vietnamese
13	ĐẠU HOANG LONG	PVD1	99	1	8		67	PV DRILLIN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG NHẬT KÝ	PVD1	92-93	2	17		59	PV DRILLIN	Vietnamese
15	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD1	95	1	12		75	PV DRILLIN	Vietnamese
16	HỒ TRỌNG ĐÔNG	PVD1	97	1	15		80	PV DRILLIN	Vietnamese
17	CAO XUÂN VINH	PVD1	96	1	12		88	PV DRILLIN	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH TÍNH	PVD1	25	1	8		65	PV DRILLIN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN LUÂN	PVD1	04	1	6		68	PV DRILLIN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUẤN	PVD1	94	1	6		73	PV DRILLIN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN NHANH	PVD1	27	1	5		61	PV DRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	1	1	12	77	40	1		CHUYỂN 1 PAX TD5 - PVD1
2	TD5	0	0	0	0	40	0	1	
3	PVD1	20	25	221	1.480	20	20		
TOTAL		21	26	233	1.557	100	21		
WEIGHT KG				233	1.557	100			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: PVD1 - BK10 - P9	CREW: LHai - Đức - THỤ - ĐANG	ETA: 11:35
TRANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUỐC GIA	PVD1	79	1	4	15	74	PV DRILL	Vietnamese
2	HOANG TRUNG HIEU	PVD1	80	1	6		74	PV DRILL	Vietnamese
3	PHAN LE MINH TOAN	PVD1	81	1	7		80	PV DRILL	Vietnamese
4	DOAN VAN HUNG	PVD1	84	1	5		60	PV DRILL	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TAI	PVD1	83	1	8		68	PV DRILL	Vietnamese
6	BUI ANH PHUONG	PVD1	86	1	10		73	PV DRILL	Vietnamese
7	TRAN VAN THANH	PVD1	78	1	5		65	PV DRILL	Vietnamese
8	HOANG TRUNG KIEN	PVD1	82	1	10		72	PV DRILL	Vietnamese
9	LE VAN HUY	PVD1	87	1	5		70	PV DRILL	Vietnamese
10	DANG HUU LANH	PVD1	90	1	7		55	PV DRILL	Vietnamese
11	KIEU PHUC TIEN	PVD1	85	1	5		65	PV DRILL	Vietnamese
12	LE TAT VINH	PVD1	88	1	5		74	PV DRILL	Vietnamese
13	DOAN QUOC VIET	PVD1	89	1	8		69	PV DRILL	Vietnamese
14	NGO DUC BOON	PVD1	76	1	10		77	PV DRILL	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CUONG	PVD1	77	1	3		73	PV DRILL	Vietnamese
16	NGUYEN CONG PHU	BK10	19	1	8	72	79	CODIEN	Vietnamese
17	DO VAN THANH	BK10	12	1	7	15	81	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC MINH	P9	25	1	5		55	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHIEU	P9	26	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEU	P9	28	1	3		47	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HAI TRUNG	P9	29	1	5	40	62	PSV	Vietnamese
22	BUI VAN THUAN	P9	27	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	15	15	98	1.049	15	12		
2	BK10	2	2	15	160	87	0		
3	P9	5	5	20	299	40	10		
TOTAL		22	22	133	1.508	142	21+1		
WEIGHT KG				133	1.508	142			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2022	TO: CTK3 - BK20 - VSP02	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	20	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	17	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THANH HOAT	CTK3	21	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO DINH THAM	CTK3	19	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC HẬU	CTK3	07-09	3	20		60	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ VĂN DŨNG	CTK3	04-06	3	19		66	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN ANH QUANG	CTK3	10-11	2	20		78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THANH	CTK3	12-13	2	14		75	CODIEN	Vietnamese
9	ĐO TRỌNG LƯỢNG	CTK3				25	60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY DUƠNG	CTK3				24	69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN VĂN BÁC	CTK3	14-15	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ NGỌC HAI	CTK3	22-23	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC HÙNG	CTK3	26-27	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ TU KHA	CTK3	31	1	12		89	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG THAI TAI	CTK3	28-30	3	15		79	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LỘC	CTK3	32	1	11	23	62	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐO HOANG TRUNG ĐỨC	CTK3				23	67	T-TIN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3				25	79	YTE	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN TOÀN	CTK3	18	1	6		56	PSV	Vietnamese
20	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	16	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU SY	BK20	01,03	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	BK20	02	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	27	212	1.385	120	11	72	CHUYEN 2 PAX CTK3-BK20
2	BK20	2	3	20	148	0	0		
3	VSP02	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	30	232	1.533	120	22		
WEIGHT KG				232	1.533	120			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	TO: CLI - RP1 - RP3	CREW: LTuấn - VThắng - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SIDORSKIY DMITRY	CLI	80	1	15		99	ANTOAN	Russian
2	DOKUCHAEV V. L.	CLI	81	1	13		96	KH-THAC	Russian
3	KHAVANZHAN R. I.	CLI	78-79	2	12		78	KH-THAC	Russian
4	VŨ MINH TIẾN	CLI	90	1	10	21	60	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	83	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	84	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH VIỆT	CLI	77	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC NGHI	CLI	96	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	94	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHÁNH	CLI	86	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	93	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TRỌNG KIM	CLI	85	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI PHÚC LINH	CLI	95	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN MINH DUY	CLI	82	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI NGỌC THIẾT	CLI	89	1	5	30	71	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	91	1	10	11	63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN TUỆ	CLI	76	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HO HAI HAU	CLI	87-88	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	98	1	9	95	65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	18	20	155	1.340	62	16		
2	RP1	0	0	0	0	10	5		
3	RP3	1	1	9	65	95	1		
TOTAL		19	21	164	1.405	167	22		
WEIGHT KG				164	1.405	167			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2022	TO: BK16 - VSP01 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK16	73	1	8	80	62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG AN	BK16	76	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH DIỆN	BK16	70	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG NHÂN	BK16	74-75	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN THANH	BK16	09-10	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG ĐÌNH VINH	BK16	06-08	3	16		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC DANH	BK16	11-12	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
8	HÌNH NGỌC GIANG	BK16	71-72	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG KHANH	BK16	14-15	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN Y	BK16	07	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN XUÂN HÓA	BK16					71	PSV	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	PPD	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	06	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	07	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	03	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH BA NINH	PPD	05	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD					72	T-TIN	Vietnamese
18	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	02	1	9		65	YTE	Vietnamese
19	BUI ĐỨC ANH	PPD	08	1	7		71	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐỨC	PPD	01	1	6		55	PSV	Vietnamese
21	HOANG VĂN DOANH	PPD	34-35	2	7		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SA	PPD	36-37	2	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	11	17	141	751	80	4		
2	VSP01	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	11	12	62	757	0	13		
TOTAL		22	29	203	1.508	80	19		
WEIGHT KG				203	1.508	80			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	TO: AMD - TGTH4 - HST	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:30
NAU3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	19-20	2	13		56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	15	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	09-10	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
4	CÔNG ĐỨC MINH TRI	AMD	16	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	14	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	23-24	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	21-22	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN DUNG	AMD	25	1	8	50	80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH DUY	AMD	07	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH THUONG MAI	AMD	04-05	2	16		60	TLJOC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	17-18	2	14		64	PSV	Vietnamese
12	ĐÌNH CÔNG HOANG	AMD	12	1	12		60	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN THIÊN	AMD	11	1	6		64	PSV	Vietnamese
14	LÊ PHÚC THỊNH	AMD	13	1	10		87	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	08	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	LƯU NGỌC TRUNG	AMD	02-03	2	12		60	PSV	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	06	1	5		68	PSV	Vietnamese
18	TRẦN LÊ HOA	AMD	01	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	26-27	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG VIỆT	TGTH4	25	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	THAN CANH THỊNH	HST	22-23	2	10		78	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	25	183	1.240	50	16		
2	TGTH4	2	3	18	136	0	2		
3	HST	1	2	10	78	0	3		
TOTAL		21	30	211	1.454	50	21		
WEIGHT KG				211	1.454	50			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	TO: BK4 - P1 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - XTrường - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	BK4	65	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH TIẾN	BK4	61	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN TUYẾN	BK4	62	1	14		95	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN NINH	BK4	75	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI XUÂN NGỌC	BK4	66-67	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI ANH TUẤN	BK4	68-69	2	11		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN BA THÀNH	BK4	73-74	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN VIỆT	BK4	63-64	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN DUÂN	BK4	72,60	2	11		72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THẮNG	BK4	70-71	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
11	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	BK4	76-77	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÙNG	P1	33-34	2	12	5	61	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐOÀN HÙNG	CLO	49	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHÁNH	CLO	48	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH QUÊ	CLO	51	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ TRUNG DŨNG	CLO	50	1	12		93	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	52	1	3	55	62	DVL	Vietnamese
18	NGO THANH SƠN	CLO	53	1	8		80	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN CƯỜNG	CLO	54-55	2	20		83	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN THIỆU BÌNH	CLO	56-57	2	17		57	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	58	1	12		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

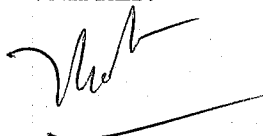
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	11	18	159	774	0	8		
2	P1	1	2	12	61	05	1		
3	CLO	9	11	95	654	55	7		
TOTAL		21	31	266	1.489	55+5	16		
WEIGHT KG				266	1.489	55+5			

GRAND TOAL: 1.810 KGS + 5

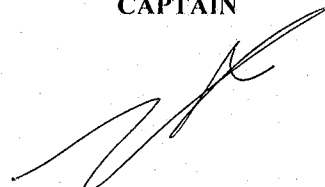
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2022	TO: CLI - P10 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hồi - VLin - DTùng	ETA: 13:40
TIM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN NHAN	CLI	71	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN DAT	CLI	59-60	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH LONG	CLI	72	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN MINH DUC	CLI	64-65	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN TUYEN	CLI	61	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN THIEN PHUOC	CLI	66	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHUONG NAM	CLI	58	1	13		99	KH-THAC	Vietnamese
8	LAI TUAN ANH	CLI	62-63	2	9		85	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN BAO ANH	CLI	68-69	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH VAN HOANG	CLI	67	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
11	KHOROSHENKOV	CLI	70	1	6		82	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN VAN LINH	CLI	56-57	2	16		50	YTE	Vietnamese
13	HO NGOC THANH	P10	14	1	8		57	PSV	Vietnamese
14	TRAN VIET LY	P10	16	1	5	40	80	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN MINH	P10	15	1	6	5	84	PSV	Vietnamese
16	PHAM THE CONG	P10	17	1	7		59	PSV	Vietnamese
17	ONG VAN NAM	TD1	52	1	15		63	BAKERHUC	Vietnamese
18	LE CONG TRANG	TD1	53-54	2	19		65	BAKERHUC	Vietnamese
19	DAO DUY KHANH	TD1	55-56	2	16	20	74	BAKERHUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

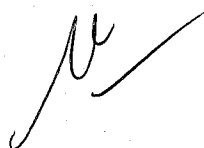
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	12	17	125	884	0	10		
2	P10	4	4	26	280	45	9		
3	TD1	3	5	50	202	20	2		
TOTAL		19	26	201	1.366	65	21		
WEIGHT KG				201	1.366	65			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

